

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẤP VÒ
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 52/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 07 - 8 - 2024

V/v Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẤP VÒ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Văn Nội.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Kim Phụng.

2. Ông Nguyễn Văn Thế.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Kiều – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 07 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 155/2024/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2024 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 181/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Mỹ S, sinh năm 1981; HKTT: Số 36, ấp H, xã L, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp. Cư trú: Số 434/2, ấp H, xã L, huyện LV, tỉnh Đ.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Trung T, sinh năm 1980; Địa chỉ: Số 36, ấp H, xã LB, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

(Nguyên đơn có mặt, còn bị đơn có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 03 tháng 5 năm 2024 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ S trình bày:

1. Về hôn nhân: Chị S và anh T được hai bên gia đình mai mối rồi tổ chức đám cưới vào năm 2000 trên cơ sở tự nguyện. Đến năm 2001, thì đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã LB, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp cấp giấy chứng nhận kết hôn số 38/2001 ngày 06/8/2001 theo đúng quy định của pháp luật. Vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T không tu chí làm ăn, thường xuyên uống rượu vào lại chửi mắng chị S làm cho vợ chồng bất đồng quan điểm dẫn đến tình cảm vợ

chồng rạn nứt, mục đích hôn nhân không đạt được. Từ năm 2015 thì vợ chồng đã sống xa nhau cho đến nay. Từ khi vợ chồng sống xa nhau thì không ai quan tâm đến ai, mạnh ai người đó sống. Nay xét thấy tình cảm của vợ chồng không hàn gắn được nên chị S yêu cầu được ly hôn với anh T, để ổn định cuộc sống.

2. Về con chung: Quá trình sống chung chị S và anh T có 02 con chung Nguyễn Mỹ Ngọc, sinh ngày 22/5/2001 và Nguyễn Thanh Khang, sinh ngày 30/10/2002. Hiện các con đã trưởng T không yêu cầu giải quyết.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Nguyễn Trung T trình bày tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt như sau: Anh T thống nhất với lời trình bày của chị S về việc anh chị được người thân mai mối và tự nguyện sống chung với nhau từ năm 2000, đến ngày 06/8/2001 thì đăng ký kết hôn tại UBND xã LB, huyện Lập Vò, tỉnh Đồng Tháp. Nay anh T đồng ý ly hôn theo như yêu cầu của chị S. Về con chung: Trong quá trình sống chung có 02 con chung tên Nguyễn Mỹ N, sinh ngày 22/5/2001 và Nguyễn Thanh K, sinh ngày 30/10/2002. Con hiện nay đã trưởng T và có cuộc sống riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do anh T bận làm công trình và khó khăn trong việc sắp xếp thời gian để có mặt tại Tòa án nên anh T đề nghị cho anh T được vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc của Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân huyện Lập Vò nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Mỹ S có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Trung T, ngoài ra không có yêu cầu nào khác nên quan hệ tranh chấp được xác định là “Ly hôn” và bị đơn cư trú tại huyện Lập Vò, tỉnh Đồng Tháp do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lập Vò theo quy định tại khoản 1, Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của các đương sự: Bị đơn là anh Nguyễn Trung T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vụ án vắng mặt đối với anh T.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Mỹ S và anh Nguyễn Trung T tổ chức đăng ký kết hôn tại UBND xã LB trên cơ sở tự nguyện và được UBND xã LB cấp giấy chứng nhận kết hôn số 38/2001 vào ngày 06/8/2021 theo đúng quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa chị S và anh T là hợp pháp, được pháp luật công nhận. Theo chị S trình bày thì vợ chồng sống chung hạnh phúc được đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn và sống xa nhau cho đến nay không đoàn tụ được. Từ khi vợ chồng sống xa nhau đến nay không đoàn tụ được mà mạnh ai người đó sống, không ai quan tâm đến ai nên nay chị S nhất quyết yêu

cầu được ly hôn với anh T để ổn định cuộc sống. Trong quá trình giải quyết vụ án anh T có văn bản trình bày ý kiến là đồng ý ly hôn theo như yêu cầu của chị S.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự đủ căn cứ xác định mâu thuẫn giữa chị S và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị S đối với anh T và xử cho chị Nguyễn Thị Mỹ S được ly hôn với anh Nguyễn Trung T.

[2.2] Về con chung: Quá trình sống chung chị S và anh T có 02 con chung Nguyễn Mỹ N, sinh ngày 22/5/2001 và Nguyễn Thanh K, sinh ngày 30/10/2002. Con hiện nay đã trưởng thành và có cuộc sống riêng nên chị S và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Chị S khẳng định vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn anh T cũng có văn bản trình bày ý kiến thống nhất vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Chị S khẳng định vợ chồng không có nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn anh T cũng có văn bản trình bày ý kiến thống nhất vợ chồng không có nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị S phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn là 300.000đ theo quy định tại khoản 4, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 8, Điều 9, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 5, khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Mỹ S được ly hôn với anh Nguyễn Trung T.

2. Về con chung: Không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Mỹ S phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí sơ thẩm ly hôn. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) mà chị S đã nộp theo biên lai số 0007434 ngày 29 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

6. Trong hạn 15 ngày (mười lăm ngày), kể từ ngày tuyên án hôm nay đương sự có mặt được quyền làm đơn kháng cáo theo trình tự phúc thẩm. Riêng đương sự vắng mặt được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND H.Lấp Vò;
- Chi cục THADS H.Lấp Vò;
- UBND xã LB, huyện Lấp Vò, Đồng Tháp (GCN số 38/2001, ngày 06/8/2001);
- Các đương sự;
- Lưu: VP- Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phan Văn Nội